TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 400/2018/DS-PT Ngày: 24 - 12 - 2018 V/v tranh chấp "Hợp đồng dân sự góp họ".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Bà Trần Thị Kim Em.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:*** Nguyễn Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Hợp đồng dân sự góp họ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 124/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 330/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hàng Thu T, sinh năm: 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B H, khu phố H, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Quang L, sinh năm: 1983 (Xin vắng mặt).

Chị Đặng Thị Mỹ P, sinh năm: 1987 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B H, khu phố H, phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1967 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số S B, khu phố M, phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Hàng Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Hàng Thu T trình bày:

Vào ngày 15/02/2018 (Nhằm ngày 30/12/2017 âm lịch), chị có cho anh L và chị P vay số tiền 680.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, khi nào cần lấy lại vốn sẽ báo trước 01 tháng. Sau khi vay anh L, chị P không trả lãi, chị T đã nhiều lần liên hệ đến vợ chồng anh L để lấy lại vốn nhưng anh L, chị P kéo dài không trả lại cho chị T. Chị T được biết vợ chồng anh L, chị P đang chuyển nhượng nhà đất cho anh Trần Văn T nhằm tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Nay chị T yêu cầu anh L, chị P cùng có trách nhiệm trả cho chị T số tiền là 680.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Chị T không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn Đặng Thị Mỹ P trình bày:

Chị P không thừa nhận có vay của chị Hàng Thu T số tiền 680.000.000 đồng, thực chất là có nợ tiền hụi (04 dây) do chị Hàng Thu T là chủ thảo, tổng cộng chị hốt 4 dây hụi là 916.000.000 đồng đã góp lại dần còn nợ tiền hụi là 610.000.000 đồng. Ngày 30/12/2017AL, chị T đến nhà yêu cầu viết giấy nợ số tiền 680.000.000 đồng, chị viết giấy nợ theo yêu cầu của chị T đồng thời nháy chữ ký của chồng (Anh Đỗ Quang L). Do đó, chị Hàng Thu T khởi kiện yêu cầu chị và chồng chị cùng có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 680.000.000 đồng chị không chấp nhận; Chị P khẳng định số nợ hụi là 610.000.000 đồng và đó là nợ cá nhân chị P. Chị P đồng ý trả cho chị T số tiền 610.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết số nợ.

* Bị đơn Đỗ Quang L trình bày:

Anh L khẳng định, việc chị T khởi kiện yêu cầu anh L cùng chị P trả nợ vay là không đúng, anh L chưa bao giờ giao dịch với chị T và cũng hoàn toàn không biết chị T là ai, do chưa từng tiếp xúc với chị T, nên đến khi có thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì anh mới biết là vợ có nợ tiền hụi chị T. Do đó, anh L không đồng ý với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh cùng vợ có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 680.000.000 đồng. Riêng việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là sai đối tượng vì anh L không phải là người có nghĩa vụ đối với chị Hàng Thu T. Đặc biệt là, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại Số B H, khu phố H, phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; là tài sản riêng của anh L do anh L được mẹ ruột tặng cho riêng cá nhân anh L. Nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã G cần xem xét hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 13/7/2018.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T trình bày:

Anh có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Đỗ Quang L. Việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Đỗ Quang L là hợp pháp, anh đã trả đủ số tiền chuyển nhượng là 2.000.000.0000 đồng. Nhà và đất là tài sản

riêng của anh L nên anh T vẫn tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng với anh L, còn số nợ của vợ chồng anh L như thế nào anh không biết nên không có ý kiến. Anh T xin vắng mặt cho đến khi Tòa giải quyết vụ án xong vụ án.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2018/DS-ST ngày 02/10/2018 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 471, Điều 357, Điều 280, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hàng Thu T.

Chị Đặng Thị Mỹ P có nghĩa vụ trả cho chị Hàng Thu T 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng) một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Chị P nộp 28.400.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị T 15.600.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo biên lai số 42598 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 09 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn Hàng Thu T kháng cáo yêu cầu vợ chồng anh Đỗ Quang L, chị Đặng Thị Mỹ P cùng có trách nhiệm trả cho chị số tiền vay còn nợ tổng cộng là 610.000.000 đồng và tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn anh L, chị P thực hiện các hành vi về quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của chị T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc anh L có trách nhiệm liên đới với chị P trả nợ cho chị T và tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Hàng Thu T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của chị Hàng Thu T yêu cầu anh Đỗ Quang L và chị Đặng Thị Mỹ P cùng có nghĩa vụ trả số tiền 610.000.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Bởi lẽ, anh L trình bày số tiền nợ 610.000.000 đồng do chị P tự chơi hụi và hốt hụi, anh L hoàn toàn không biết, số tiền hốt hụi chị P tự làm ăn riêng không sử dụng cho gia đình. Tuy nhiên, biên nhận nợ chị P thừa nhận do chị ký thay anh L, mặc dù anh L không thừa nhận nhưng xem như mặc nhiên chị P thừa nhận đó là nợ chung của vợ chồng. Việc anh L không thừa nhận nhằm trốn tránh trách nhiệm của mình. Mặt khác, vợ chồng chị P anh L vẫn chung sống hạnh phúc, số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên cần xác định đây là nợ hụi chung của chị P và anh L. Do đó, cần buộc anh L cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 610.000.000 đồng cho chị P là phù hợp pháp luật. Chị P cho rằng bị chị T ép buộc viết giấy nợ nhưng không có chứng cứ chứng minh, chị T không thừa nhận, nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai nại của chị P.

[2] Về thời gian trả nợ chị P xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng không được chị T chấp nhận và không phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 357 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử buộc chị P và anh L có nghĩa vụ trả cho chị T 610.000.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Do anh L có nghĩa vụ liên đới trả nợ nên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hàng Thu T, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Hàng Thu T được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Chị P có đơn xin giảm án phí vì hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phượng nên xem xét giảm 50% án phí sơ thẩm cho phía chị P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 280, Điều 288, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 23, Điều 30 Nghị định 144/2006/ NĐ- CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Hàng Thu T.

Sửa bản án sơ thẩm số: 124/2018/DS-ST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hàng Thu T.

Buộc chị Đặng Thị Mỹ P và anh Đỗ Quang L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hàng Thu T 610.000.000 đồng (*Sáu trăm mười triệu đồng*). Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 13/7/2018 để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Chị P và anh L có nghĩa vụ liên đới nộp 14.200.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại chị T 15.600.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo biên lai số 42598 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Về án phí phúc thẩm:

Hoàn lại chị Thảo 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 42739 ngày 09/10/2018 của của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

DSPT-2018-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn